

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 206/2018/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2018

Ha Noi, 03 May 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 02/05/2018
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	VIC	1.300	11,8%
2	VNM	500	6,6%
3	VPB	900	3,5%
4	HPG	900	3,5%
5	VJC	300	4,0%
6	MSN	700	4,6%
7	ACB	610	1,9%
8	MBB	1.100	2,4%
9	STB	1.100	1,1%
10	FPT	300	1,2%
11	VCB	2.200	9,5%
12	MWG	200	1,5%
13	SAB	300	4,6%
14	NVL	500	2,2%
15	PNJ	100	1,2%
16	SHB	740	0,6%
17	SSI	300	0,8%



18	CTG	2.300	4,8%
19	GAS	1.200	9,6%
20	ROS	300	1,9%
21	PLX	700	3,1%
22	DXG	200	0,5%
23	VCI	100	0,7%
24	BVH	400	2,6%
25	BID	2.100	5,4%
26	CTD	100	1,0%
27	REE	200	0,5%
28	SBT	400	0,5%
29	CII	100	0,2%
30	DHG	100	0,7%
31	KDC	100	0,3%
32	KBC	200	0,2%
33	PVS	270	0,4%
34	VGC	270	0,5%
35	GMD	200	0,4%
36	HBC	100	0,3%
37	HCM	100	0,5%
38	NLG	100	0,3%
39	HSG	200	0,2%
40	PVD	200	0,2%
41	PDR	120	0,3%
42	DPM	300	0,4%
43	BMP	100	0,4%
44	VCG	270	0,4%
45	ASM	200	0,2%
46	GTN	200	0,2%
47	DCM	300	0,3%
48	ITA	600	0,1%
49	NKG	100	0,2%
50	FLC	400	0,2%
II	Tiền/Cash	27.198.391 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and one lot of ETF in value:*
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket in value* 1.366.708.000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.393.906.391 VND
 - + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 27.198.391 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	92.000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	36.000	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	60.000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	VPB	53.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	ACB	42.400	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	29.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	FPT	57.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	102.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



9	PNJ	171.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	CTG	29.300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	REE	35.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	GMD	26.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	NLG	36.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (02/05/2018)	Kỳ này/This Period (27/04/2018)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13.850	13.950	-100
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	135.208.919.950	134.968.288.716	240.631.234
của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit	1.393.906.391	1.391.425.656	2.480.735
của 1 CCQ/ per Share	13,939.06	13,914.25	24.81
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1581,70	1609,59	-27,89



Tổ Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC